

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hoà, ngày 22 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen hải sâm vú *Holothuria nobilis* Selenka, 1867. Mã số đề tài, dự án: NVQG/2017-13.

Thuộc: Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Quỹ gen cấp Quốc gia.

2. Mục tiêu nhiệm vụ: Có được quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm nhằm khai thác và phát triển nguồn gen hải sâm vú *Holothuria nobilis* Selenka, 1867.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Văn Hùng.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III.

5. Tổng kinh phí thực hiện: 4.720 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.720 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng (Bắt đầu – Kết thúc): 10/2017 – 09/2021.

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: 10/2017-03/2022 (Gia hạn 6 tháng theo Quyết định Số 2430/QĐ-BKHHCN ngày 29/9/2021).

7. Danh sách thành viên thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

<i>Số TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh khoa học, học vị</i>	<i>Cơ quan công tác</i>
1	Nguyễn Văn Hùng	Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ, chủ nhiệm nhiệm vụ.	Viện nghiên cứu NTTS III.
2	Kiều Tiến Trung	Nghiên cứu viên, kỹ sư, thành viên chính.	Viện nghiên cứu NTTS III.
3	Lê Trung Hậu	Nghiên cứu viên, kỹ sư, thành viên chính.	Viện nghiên cứu NTTS III.
4	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ, thành viên chính, thư ký (2020-2022).	Viện nghiên cứu NTTS III.
5	Dương Thị Phượng	Nghiên cứu viên, thạc sĩ, thành viên chính, thư ký (2017-2019).	Viện nghiên cứu NTTS III.
6	Nguyễn Thị Thoa	Nghiên cứu viên, thạc sĩ, thành viên chính.	Viện nghiên cứu NTTS III (Đã nghỉ việc năm 2021).
7	Trần Thế Thanh Thi	Nghiên cứu viên, thạc sĩ, thành viên chính.	Viện nghiên cứu NTTS III (Đã nghỉ việc năm 2021).
8	Trần Huy Chinh	Thành viên	Viện nghiên cứu NTTS III (Đã nghỉ việc năm 2019).

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I	Sản phẩm dạng I									
1	Hải sâm vú bố mẹ		X			X			X	
2	Hải sâm vú hậu bị		X			X			X	
3	Hải sâm vú giống	X				X			X	
4	Hải sâm thương phẩm		X			X			X	
II	Sản phẩm dạng II									
1	Báo cáo tên loài hải sâm vú phân bố ở vùng biển Nam Trung bộ.		X			X			X	
2	Báo cáo đặc điểm sinh học sinh sản và sinh trưởng của hải sâm		X			X			X	

	vú <i>H. nobilis</i> Selenka, 1867.									
3	Bộ tiêu chuẩn cơ sở hải sâm vú bố mẹ và hải sâm giống.		X			X			X	
4	Quy trình sản xuất giống hải sâm vú <i>H. nobilis</i> Selenka, 1867.		X			X			X	
5	Quy trình nuôi thương phẩm hải sâm vú <i>H. nobilis</i> Selenka, 1867.		X			X			X	
Sản phẩm dạng III										
1	Bài báo	X				X			X	
2	Đào tạo	X				X			X	
3	Hội thảo	X				X			X	

4	Đăng kí sáng chế		X			X			X	
---	------------------	--	---	--	--	---	--	--	---	--

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Hải sâm vú là đối tượng hải đặc sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao do chứa đựng nhiều hàm lượng dinh dưỡng và dược liệu quý. Hiện nay, sản lượng khai thác hải sâm vú tự nhiên ngày càng giảm và không đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết quả triển khai Nhiệm vụ đã đạt được gồm: thu thập, thuần dưỡng tạo đàn bố mẹ, sản xuất giống nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm hải sâm vú. Đóng góp mới của nhiệm vụ là khẳng định lần đầu tiên đã thành công trong sản xuất giống nhân tạo loài hải sâm vú quý hiếm này tại Việt Nam và là lần đầu tiên cung cấp dữ liệu khoa học về nuôi thương phẩm hải sâm vú ở trong và ngoài nước.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Thành công của nhiệm vụ tạo cơ sở phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm hải sâm vú; tạo nghề nuôi đối tượng có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần đem lại thu nhập cho người nuôi,

phát triển kinh tế. Ngoài ra, với kết quả đạt được có thể mở ra cơ hội hợp tác, chuyển giao công nghệ với các đối tác nuôi biển trong và ngoài khu vực.

3.2. Hiệu quả xã hội

Công nghệ sản xuất giống nhân tạo giúp chủ động con giống hải sâm vú, góp phần phục hồi nguồn lợi, gìn giữ các giá trị gốc của nguồn gen bản địa nhằm bảo tồn lâu dài và an toàn nguồn gen hải sâm vú đang có nguy cơ tuyệt chủng. Mở ra cơ hội phát triển một đối tượng nuôi mới để đưa vào sản xuất, tạo công việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư ven biển.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)



TS. Nguyễn Văn Hùng

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

